

Công ty Cổ phần Kinh Đô

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và
Các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Kinh Đô

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 42

Công ty Cổ phần Kinh Đô

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") điều chỉnh sau đây:

<u>Giấy CNĐKKD điều chỉnh:</u>	<u>Ngày:</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế trong năm	529.871.021.320	(194.852.363.967)
Cổ tức đã trả trong năm	(134.947.114.200)	(141.942.958.000)
Cổ tức đã công bố nhưng chưa trả trong năm	370.856.800	721.915.000
Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế) vào cuối năm	228.657.039.777	(266.166.545.543)

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Tại Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức vào ngày 28 tháng 4 năm 2009, các cổ đông đã thông qua việc Công ty được phép sử dụng nguồn vốn thặng dư từ việc phát hành cổ phiếu ở các năm trước để phát hành cổ phiếu thường mà Công ty đã thực hiện trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 thay cho nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Theo đó, Công ty có khoản phân loại lại với giá trị là 101.152.620.000 VND từ tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1 trong các báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Cũng trong năm 2009, Hội đồng Quản trị đã thông qua kế hoạch sáp nhập với Công ty Cổ phần KIDO và Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Miền Bắc, là các công ty có liên quan của Công ty. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, việc sáp nhập này vẫn trong giai đoạn chuẩn bị và quyết định cuối cùng sẽ được thông qua trong kỳ Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên năm 2010.

Công ty Cổ phần Kinh Đô

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoại trừ các sự kiện đã nêu ở Thuyết minh số 26 của các báo cáo tài chính riêng đính kèm, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lê Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Chin Hua	Ủy viên
Bà Vương Bửu Linh	Ủy viên
Ông Cô Gia Thọ	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tắt cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Kinh Đô

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này, ngoại trừ vẫn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Trần Lê Nguyên
Phó Chủ tịch



Ngày 25 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 60752643/13975338

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh Đô

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày từ trang 6 đến trang 41 (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng"). Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 10 – Tài sản cố định vô hình.

Tổng tài sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm một tài sản cố định vô hình trị giá 50.000.000.000 VNĐ thể hiện giá trị của thương hiệu "Kinh Đô" mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô góp vốn vào Công ty. Đồng thời, Công ty cũng đã ghi nhận một khoản tương ứng với giá trị tài sản vô hình nói trên vào vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 4 – Tài sản cố định vô hình, và Công văn số 12414/BTC-CĐKT do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 3 tháng 10 năm 2005, thương hiệu được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp thì không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình vì (1) loại thương hiệu này không phải là nguồn lực có thể xác định được, (2) loại thương hiệu này không được đánh giá một cách đáng tin cậy và (3) doanh nghiệp không thể kiểm soát được loại thương hiệu này.

Cũng theo công văn trên, hiện nay cơ chế tài chính của Nhà nước chưa quy định về giá trị quyền sử dụng thương hiệu. Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cũng chưa quy định thương hiệu là tài sản cố định vô hình nên cũng chưa có cơ sở hạch toán. Vì những lý do trên, trong khi Nhà nước chưa hướng dẫn cơ chế tài chính, các công ty không được phép sử dụng thương hiệu để góp vốn.

Công ty đang khấu trừ thương hiệu "Kinh Đô" trong 20 năm và số khấu trừ đã được tính vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.500.000 ngàn VNĐ đã làm tăng khoản lỗ thuần sau thuế trong năm và khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 với số tiền tương đương. Hao mòn lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.916.667.000 VNĐ làm giảm lợi nhuận chưa phân phối với số tiền tương đương. Tương tự, việc ghi nhận tài sản thương hiệu "Kinh Đô" cũng đã làm tăng giá trị tổng tài sản và vốn chủ sở hữu với số tiền lần lượt là 32.083.333.000 VNĐ và 50.000.000.000 VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Ý kiến kiểm toán

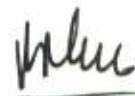
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu ở các đoạn trên, thì các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: N.1073/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2010



Mai Việt Hùng Trân
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: D.0048/KTV

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.443.350.066.516	1.449.558.552.818
110	I. Tiền	4	949.242.292.714	197.513.293.958
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12	514.829.049.600	580.126.054.600
121	1. Đầu tư ngắn hạn		518.500.438.052	619.599.132.317
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.671.388.452)	(39.473.077.717)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	930.627.492.304	628.742.721.192
131	1. Phải thu khách hàng		158.780.276.165	159.960.953.202
132	2. Trả trước cho người bán		25.321.130.528	74.226.855.598
135	3. Các khoản phải thu khác		746.526.085.611	394.554.912.392
140	IV. Hàng tồn kho	6	31.792.820.041	35.102.401.032
141	1. Hàng tồn kho		31.792.820.041	35.251.747.952
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(149.346.920)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.858.411.857	8.074.082.036
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.467.189.709	476.217.723
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.728.698.471	3.646.351.379
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	24.2	-	3.084.818.532
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.662.523.677	866.694.402
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.281.074.052.908	1.047.223.416.945
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.285.907.000	30.792.488.600
218	1. Phải thu dài hạn khác	7	22.285.907.000	30.792.488.600
220	II. Tài sản cố định		115.684.213.155	200.026.174.432
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	54.503.978.722	106.634.863.841
222	Nguyên giá		110.932.641.116	160.053.018.402
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(56.428.662.394)	(53.418.154.561)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	3.701.943.484	10.716.220.054
225	Nguyên giá		8.997.147.682	22.227.464.657
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.295.204.198)	(11.511.244.603)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	37.638.490.109	65.816.342.229
228	Nguyên giá		55.703.205.595	81.299.816.795
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(18.064.715.486)	(15.483.474.566)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	19.839.800.840	16.858.748.308
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	1.125.135.978.656	812.537.548.911
251	1. Đầu tư vào các công ty con		150.244.380.000	150.244.380.000
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết		384.636.880.000	20.550.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		632.649.613.291	839.000.033.911
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(42.394.894.635)	(197.256.865.000)
270	IV. Tài sản dài hạn khác		17.967.954.097	3.867.205.002
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	24.3	3.973.349.488	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		13.994.604.609	3.867.205.002
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.724.424.119.424	2.496.781.969.763

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B01-DN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.373.668.881.370	540.021.970.734
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>		1.359.795.021.366	522.333.714.896
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	200.151.638.113	246.451.158.600
312	2. Phải trả người bán	14	93.423.493.901	76.444.272.715
313	3. Người mua trả tiền trước		35.039.819.006	9.318.423.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	56.847.138.310	939.732.903
315	5. Phải trả người lao động		8.212.365.745	1.388.900
316	6. Chi phí phải trả		42.257.497.284	994.610.502
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	923.863.069.007	188.184.128.276
330	<i>II. Nợ dài hạn</i>		13.873.860.004	17.688.255.838
334	1. Vay và nợ dài hạn	17	-	3.876.809.402
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		13.873.860.004	13.811.446.436
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	2.350.755.238.054	1.956.759.999.029
410	<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	19.1	2.350.755.238.054	1.956.759.999.029
411	1. Vốn cổ phần		795.462.590.000	571.148.760.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.395.547.016.955	1.721.013.466.955
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(137.401.029.200)	(137.401.029.200)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		324.273.705	-
417	5. Quỹ đầu tư và phát triển		25.370.280.515	25.370.280.515
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		25.792.635.752	25.792.635.752
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.002.430.550	17.002.430.550
420	8. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)		228.657.039.777	(266.166.545.543)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.724.424.119.424	2.496.781.969.763

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ	104.492.105.302	150.451

Huỳnh Tân Vũ
Kế toán trưởng

Trần Lê Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2010



Công ty Cổ phần Kinh Đô

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.656.744.455.399	1.719.895.120.832
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(4.489.242.864)	(5.967.666.254)
10	3. Doanh thu thuần	20.1	1.652.255.212.535	1.713.927.454.578
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(1.421.519.227.630)	(1.559.070.640.836)
20	5. Lợi nhuận gộp		230.735.984.905	154.856.813.742
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	270.956.152.504	113.146.914.285
22	7. Chi phí tài chính	22	32.439.237.267	(282.336.421.193)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(24.544.566.980)	(41.097.040.331)
24	8. Chi phí bán hàng		(129.845.264.960)	(107.732.621.633)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(74.134.495.795)	(81.972.508.243)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		330.151.613.921	(204.037.823.042)
31	11. Thu nhập khác	23	373.809.486.059	149.791.095.433
32	12. Chi phí khác	23	(125.304.186.907)	(140.747.983.648)
40	13. Lợi nhuận khác	23	248.505.299.152	9.043.111.785
50	15. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế		578.656.913.073	(194.994.711.257)
51	16. Thuế TNDN hiện hành	24.1	(58.913.291.360)	-
52	17. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	24.1	10.127.399.607	142.347.290
60	18. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế		529.871.021.320	(194.852.363.967)

Huỳnh Tân Vũ
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 3 năm 2010



Trần Lê Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận (lỗ) trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		578.656.913.073	(194.994.711.257)
02	Khảo hao và khấu trừ	8,9,10	19.671.930.564	32.619.899.127
03	Các khoản dự phòng		(190.813.006.550)	231.552.643.152
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(412.984.054.293)	(106.324.664.730)
06	Chi phí lãi vay	22	24.544.566.980	41.097.040.331
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.076.349.774	3.950.206.623
09	Tăng các khoản phải thu		(24.993.491.364)	(16.647.157.265)
10	Giảm hàng tồn kho		3.458.927.911	97.436.093.623
11	Tăng các khoản phải trả		825.879.993.665	78.314.076.857
12	Giảm chi phí trả trước		6.735.228.526	1.086.222.524
13	Tiền lãi vay đã trả		(25.039.040.980)	(40.602.566.331)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(242.440.085)	(3.084.818.532)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	19.1	(1.604.000.000)	(6.097.648.131)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		803.271.527.447	114.354.409.368
	II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(27.213.418.315)	(52.477.830.816)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		4.057.735.000	112.568.880.750
23	Tiền chi cho vay		(227.166.000.000)	(569.700.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		246.000.000.000	458.079.743.000
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(234.045.380.000)	(405.446.529.000)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		212.175.917.000	283.285.452.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		159.335.083.873	25.650.244.748
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		133.143.937.558	(148.040.039.318)
	III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành			(137.228.702.800)
33	Tiền vay nhận được		575.436.101.692	814.186.052.960
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(622.455.399.428)	(827.837.700.533)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(3.157.032.153)	(5.215.238.697)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(134.947.114.200)	(141.942.958.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(185.123.444.089)	(298.038.547.070)

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B03-DN

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ RIENG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyền tiền thuần trong năm		751.292.020.916	(331.724.177.020)
60	Tiền tồn đầu năm		197.513.293.958	529.237.470.978
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		436.977.840	-
70	Tiền tồn cuối năm	4	949.242.292.714	197.513.293.958

Huỳnh Tân Vũ
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 3 năm 2010

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đây:

<u>Giấy CNĐKKD điều chỉnh:</u>	<u>Ngày:</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày theo đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh các báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tinh hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Các chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày ở Thuyết minh số 12 (gọi chung là "Tập đoàn"). Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con.

Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty trong tương lai.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa

- chi phí mua theo phương pháp bình quân
gia quyền.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- giá vốn nguyên vật liệu, lao động trực tiếp.

Thành phẩm

- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Công ty xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó và đánh giá liệu việc thực hiện thỏa thuận này phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản do Công ty sẽ được quyền mua lại tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao/khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao/khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sản xuất.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Công ty trong năm.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được hoãn lại như được trình bày trong đoạn dưới đây.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản tài sản, công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hồi đoái" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo. Thông tư 201 khác biệt so với các chính sách kế toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hồi đoái* ("VAS 10") đã được Công ty áp dụng trong các năm trước liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm như sau:

Nghiệp vụ	Theo VAS 10	Theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hồi đoái" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.

Sự ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là không trọng yếu xét trên phương diện tổng thể của báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ thể hiện số cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại và được trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ liên quan đến việc mua, bán hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ nguồn lợi nhuận thuần sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty khi xảy ra các rủi ro hoặc lỗ trong kinh doanh hoặc là nhằm dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan và các trường hợp bất khả kháng, ví dụ như cháy nổ, bão lụt kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc ở một nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ nguồn lợi nhuận thuần sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chi tiêu sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ nguồn lợi nhuận thuần sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên nhằm mục đích động viên, khen thưởng dưới hình thức vật chất, nâng cao lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	332.858.423	1.082.303.388	
Tiền gửi ngân hàng (i)	947.452.438.291	196.430.990.570	
Tiền đang chuyển	<u>1.456.996.000</u>	-	
TỔNG CỘNG	949.242.292.714	197.513.293.958	

- (i) Bao gồm trong số dư tiền gửi ngân hàng là số tiền 668.456.560 ngàn VNĐ đã được phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) theo Thỏa thuận Phong tỏa số 01/2009 ngày 26 tháng 10 năm 2009 liên quan đến việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty trong Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương, một trong những công ty đầu tư mà công ty đầu tư vào, cho hai cá nhân (*Thuyết minh số 26*).

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	158.780.276.165	159.960.953.202	
<i>Trong đó, phải thu của:</i>			
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	103.535.026.495	141.086.922.202	
Các bên thứ ba	55.245.249.670	18.874.031.000	
Trả trước cho người bán	25.321.130.528	74.226.855.598	
<i>Trong đó, trả trước cho:</i>			
Các bên liên quan	-	72.386.498.000	
Các bên thứ ba	25.321.130.528	1.840.357.598	
Các khoản phải thu khác:	746.526.085.611	394.554.912.392	
<i>Trong đó, phải thu khác từ:</i>			
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	572.109.386.468	372.517.642.392	
Bán khoản đầu tư của Công ty	155.000.000.000	-	
Phải thu ngắn hạn khác	19.416.699.143	22.037.270.000	
GIÁ TRỊ THUẦN CỦA CÁC KHOẢN PHẢI THU	930.627.492.304	628.742.721.192	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	21.695.076.583	24.905.454.091	
Nguyên liệu, vật liệu	6.853.293.976	5.315.085.243	
Công cụ, dụng cụ	1.780.281.378	1.580.000.974	
Hàng mua đang đi trên đường	1.464.168.104	3.451.207.644	
Giá gốc hàng tồn kho	31.792.820.041	35.251.747.952	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(149.346.920)	
GIÁ TRỊ THUẦN	31.792.820.041	35.102.401.032	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VNĐ	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(149.346.920)	-	
Dự phòng trích lập trong năm	-	(149.346.920)	
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	149.346.920	-	
Số cuối năm	-	(149.346.920)	

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	22.275.907.000	22.275.907.000	
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	8.516.581.600	
TỔNG CỘNG	22.285.907.000	30.792.488.600	

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	50.348.000.000	47.571.793.881	36.901.620.625	25.231.603.896	160.053.018.402
Tăng trong năm	-	11.809.065.115	2.036.119.210	198.081.433	14.043.265.758
Trong đó:					
Mua mới	-	45.919.200	568.948.150	198.081.433	812.948.783
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	11.763.145.915	1.467.171.060	-	13.230.316.975
Phân loại lại	-	(31.597.301)	-	31.597.301	-
Giảm trong năm					
– Thanh lý, nhượng bán	(50.348.000.000)	(12.311.043.044)	(26.000.000)	(478.600.000)	(63.163.643.044)
Số cuối năm	-	47.038.218.651	38.911.739.835	24.982.682.630	110.932.641.116
Trong đó:					
Không sử dụng	-	3.779.392.695	-	7.432.190.241	11.211.582.936
Đã khấu hao hết	-	18.137.353.242	940.096.800	4.877.935.882	23.955.385.924
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	7.505.499.998	26.142.185.341	12.428.740.705	7.341.728.517	53.418.154.561
Tăng trong năm	3.780.220.589	2.859.914.833	5.524.350.683	2.653.349.945	14.817.836.050
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	7.245.873.017	1.243.020.982	-	8.488.893.999
Giảm trong năm					
– Thanh lý, nhượng bán	(11.285.720.587)	(8.959.802.966)	(26.000.000)	(24.698.663)	(20.296.222.216)
Số cuối năm	-	27.288.170.225	19.170.112.370	9.970.379.799	56.428.662.394
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	42.842.500.002	21.429.608.540	24.472.879.920	17.889.875.379	106.634.863.841
Số cuối năm	-	19.750.048.426	19.741.627.465	15.012.302.831	54.503.978.722

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 11.118.553.026 VND để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Xem các *Thuyết minh* số 13 và số 17 về chi tiết của các khoản vay.

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính Kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng cộng
Nguyên giá:			VND
Số đầu năm	20.760.293.597	1.467.171.060	22.227.464.657
Tăng trong năm	(11.763.145.915)	(1.467.171.060)	(13.230.316.975)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-
Số cuối năm	8.997.147.682	-	8.997.147.682
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	10.451.620.000	1.059.624.603	11.511.244.603
Khấu hao trong năm	2.089.457.215	183.396.379	2.272.853.594
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.245.873.017)	(1.243.020.982)	(8.488.893.999)
Số cuối năm	5.295.204.198	-	5.295.204.198
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	10.308.673.597	407.546.457	10.716.220.054
Số cuối năm	3.701.943.484	-	3.701.943.484

Công ty đang thuê các máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam ("ICB").

Theo các hợp đồng thuê tài chính này, Công ty có thể mua lại máy móc thiết bị và các phương tiện vận chuyển khi thời gian thuê hết hạn. Các cam kết thực hiện các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

Công ty Cổ phần Kinh Đô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	50.000.000.000	30.338.531.200	961.285.595	81.299.816.795
Tăng trong năm	-	-	4.741.920.000	4.741.920.000
Giảm trong năm	-	(30.338.531.200)	-	(30.338.531.200)
Số cuối năm	50.000.000.000	-	5.703.205.595	55.703.205.595
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	-	781.746.000	781.746.000
Giá trị khấu trừ lũy kế:				
Số đầu năm	15.416.667.000	-	66.807.566	15.483.474.566
Khấu trừ trong năm	2.500.000.000	-	81.240.920	2.581.240.920
Số cuối năm	17.916.667.000	-	148.048.486	18.064.715.486
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	34.583.333.000	30.338.531.200	894.478.029	65.816.342.229
Số cuối năm	32.083.333.000	-	5.555.157.109	37.638.490.109

Thương hiệu "Kinh Đô"

Vào ngày 6 tháng 9 năm 2002, Công ty đã ghi nhận thương hiệu "Kinh Đô" là tài sản cố định vô hình với giá trị là 50.000.000.000 VND, thể hiện phần góp vốn của Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô. Thương hiệu này được khấu trừ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm và đã bao gồm trong tổng tài sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Phát triển phần mềm	12.956.910.000	12.114.523.000	
Dự án Hiệp Bình Phước	3.915.968.727	1.913.636.364	
Lắp đặt máy móc thiết bị	2.830.588.944	2.830.588.944	
Khác	136.333.169	-	
TỔNG CỘNG	19.839.800.840	16.858.748.308	

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
Chứng khoán kinh doanh			
<i>Chứng khoán đầu tư ngắn hạn</i>	8.400.438.052	62.799.132.317	
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>	(3.671.388.452)	(39.473.077.717)	
Đầu tư ngắn hạn khác vào các bên liên quan			
<i>Cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô vay</i>	452.100.000.000	556.800.000.000	
<i>Cho Công ty Cổ phần Tribeco Bình Dương vay</i>	8.000.000.000	-	
<i>Ủy thác cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô đầu tư</i>	50.000.000.000	-	
	514.829.049.600	580.126.054.600	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
Đầu tư vào các công ty con	150.244.380.000	150.244.380.000	
Đầu tư vào các công ty liên kết	384.636.880.000	20.550.000.000	
Đầu tư dài hạn khác:			
<i>Cổ phiếu</i>	426.815.999.291	291.276.241.911	
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	10.000.000	10.000.000	
<i>Cho bên liên quan vay dài hạn:</i>			
<i>Cho Công ty Cổ phần Hùng Vương vay</i>	126.000.000.000	48.134.000.000	
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>			
<i>Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tribeco Bình Dương</i>	43.837.500.000	27.900.000.000	
<i>Đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Phúc</i>	35.986.114.000	105.056.828.000	
<i>Đầu tư vào Ngân hàng Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Eximbank")</i>	-	234.254.680.000	
<i>Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh</i>	-	96.168.734.000	
<i>Khác</i>	-	36.199.550.000	
	1.167.530.873.291	1.009.794.413.911	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(42.394.894.635)	(197.256.865.000)	
GIÁ TRỊ THUẬN	1.125.135.978.656	812.537.548.911	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		VNĐ
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%	
Công ty Cổ phần Kinh Đô					
Bình Dương	80.000.000.000	80,00	80.000.000.000	80,00	
Công ty Cổ phần Vinabico	70.244.380.000	51,20	70.244.380.000	51,20	
TOTAL	150.244.380.000		150.244.380.000		

Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương ("KDBD") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004. Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003. Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

ii) Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm		VNĐ
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%	
Công ty TNHH Tân An Phước	197.000.000.000	49,00	-	-	
Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương	167.086.880.000	50,00	-	-	
Công ty Cổ phần KIDO	20.550.000.000	28,33	20.550.000.000	28,33	
TOTAL	384.636.880.000		20.550.000.000		

Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. Hoạt động chính của TAP là kinh doanh bất động sản.

Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương ("SDC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103007991 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của SDC là kinh doanh bất động sản.

Ngày 23 tháng 9 năm 2009, Công ty ký kết một hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với hai cá nhân. Theo đó, Công ty đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong SDC cho hai cá nhân này. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa ghi nhận khoản lãi phát sinh từ việc chuyển nhượng này vì vào ngày này, quyết định cuối cùng về việc chuyển nhượng vẫn chưa được chấp thuận bởi các cơ quan có thẩm quyền (*Thuyết minh số 26*).

Công ty Cổ phần KIDO ("KIDO") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003. Hoạt động chính của KIDO là sản xuất các loại thực phẩm, nước uống như nước đá, kem, sữa và các loại thực phẩm từ sữa khác.

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	196.322.831.080	237.863.917.802	
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 17</i>)	2.940.460.163	5.478.211.000	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 17</i>)	888.346.870	3.109.029.798	
TỔNG CỘNG	200.151.638.113	246.451.158.600	

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và số dư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư cuối năm VNĐ	Thời hạn vay và ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	27.870.560.000	120 ngày kể từ ngày rút vốn	9,85% đến 18,00%/năm	Máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội	58.852.271.080	120 ngày kể từ ngày rút vốn	10,2% đến 11,05%/năm	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đông Á	79.600.000.000	120 ngày kể từ ngày rút vốn	10,05%/năm	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Eximbank	<u>30.000.000.000</u>	180 ngày kể từ ngày rút vốn	7,50% đến 10,05%/năm	Cổ phiếu với giá trị 30 tỷ VNĐ
TỔNG CỘNG	196.322.831.080			

4. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	77.490.203.507	69.050.393.000	
Phải trả các bên thứ ba	15.933.290.394	7.393.879.715	
TỔNG CỘNG	93.423.493.901	76.444.272.715	

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 24.2</i>)	55.586.032.743	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	685.482.415	617.784.569	-
Thuế thu nhập cá nhân	575.623.152	228.488.830	-
Các loại thuế khác	-	93.459.504	-
TỔNG CỘNG	56.847.138.310	939.732.903	

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÁN HẠN KHÁC

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nhận ký quỹ (i)	718.806.560.000	-	-
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	183.750.131.524	183.486.699.000	-
Cỗ tức phải trả	370.856.800	721.915.000	-
Kinh phí công đoàn	30.107.280	40.391.880	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.482.843	-	-
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	-	154.579.399	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.903.930.560	3.780.542.997	-
TỔNG CỘNG	923.863.069.007	188.184.128.276	

- (i) Khoản ký quỹ này liên quan đến việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty trong Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương, một trong các công ty liên kết của Công ty (*Thuyết minh số 26*).

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	2.940.460.163	8.418.671.163	
Nợ thuê tài chính dài hạn (<i>Thuyết minh số 18</i>)	888.346.870	4.045.379.037	
	3.828.807.033	12.464.050.200	
Trừ:			
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 13</i>)	2.940.460.163	5.478.211.000	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 13</i>)	888.346.870	3.109.029.798	
Vay dài hạn	-	3.876.809.402	

Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích để mua máy móc thiết bị và nguyên vật liệu và số dư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức thể chấp
Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam ("BIDV")	2.940.460.163	5 năm, đáo hạn vào tháng 9 năm 2010	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng cộng 2,2%/năm	Máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	2.940.460.163			
<i>Trong đó:</i>				
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.940.460.163			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty hiện đang thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Năm nay			Năm trước			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	921.460.673	33.113.803	888.346.870	3.492.677.798	383.668.000	3.109.029.798	
Dưới 1 năm	921.460.673	33.113.803	888.346.870	3.492.677.798	383.668.000	3.109.029.798	
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	1.000.889.239	64.540.000	936.349.239	
Từ 1-5 năm	-	-	-	1.000.889.239	64.540.000	936.349.239	
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	VND
Năm trước:									Tổng cộng
Số đầu năm	469.996.650.000	1.725.693.881.955	(172.326.400)	25.370.280.515	25.792.635.752	17.002.430.550	6.097.648.131	172.171.417.424	2.441.952.617.927
Phát hành cổ phiếu dưới hình thức cổ phiếu thường	101.152.110.000	-	-	-	-	-	-	(101.152.110.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(137.228.702.800)	-	-	-	-	-	(137.228.702.800)
Giảm khác	-	(4.680.415.000)	-	-	-	-	-	-	(4.680.415.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(194.852.363.967)	(194.852.363.967)
Trả cổ tức đợt cuối của năm 2007 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	(41.382.521.000)	(41.382.521.000)
Trả cổ tức đợt 1 của năm 2008 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	(100.950.968.000)	(100.950.968.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(6.097.648.131)	-	(6.097.648.131)
Số cuối năm	<u>571.148.760.000</u>	<u>1.721.013.466.955</u>	<u>(137.401.029.200)</u>	<u>25.370.280.515</u>	<u>25.792.635.752</u>	<u>17.002.430.550</u>	<u>- (266.166.545.543)</u>	<u>1.956.759.999.029</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(Lỗ luỹ kế) lợi nhuận chưa phân phối	VND
Năm nay:										Tổng cộng
Số đầu năm	571.148.760.000	1.721.013.466.955	(137.401.029.200)	-	25.370.280.515	25.792.635.752	17.002.430.550	-	(266.166.545.543)	1.956.759.999.029
Phát hành cổ phiếu dưới hình thức cổ phiếu thường	224.313.830.000	(224.313.830.000)	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại (i)	-	(101.152.620.000)	-	-	-	-	-	-	101.152.620.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	324.273.705	-	-	-	-	-	324.273.705
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	529.871.021.320	529.871.021.320
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	-	(134.596.056.000)	(134.596.056.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.604.000.000	(1.604.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.604.000.000)	-
Số cuối năm	795.462.590.000	1.395.547.016.955	(137.401.029.200)	324.273.705	25.370.280.515	25.792.635.752	17.002.430.550	-	228.657.039.777	2.350.755.238.054

- (i) Phân loại lại thể hiện việc sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần trong việc phát hành cổ phiếu dưới hình thức cổ phiếu thường mà Công ty đã thực hiện trong năm trước thay cho nguồn lợi nhuận chưa phân phối và đã được chấp thuận bởi các cổ đông của Công ty trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2009 vào ngày 28 tháng 4 năm 2009.

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần			
Vốn đầu năm	571.148.760.000	469.996.650.000	
Vốn tăng trong năm	<u>224.313.830.000</u>	<u>101.152.110.000</u>	
Vốn cuối năm	<u>795.462.590.000</u>	<u>571.148.760.000</u>	
Cổ tức			
Cổ tức đã trả bằng tiền mặt	134.596.056.000	142.333.489.000	
Cổ tức bằng cổ phiếu	<u>224.313.830.000</u>	<u>101.152.110.000</u>	
TỔNG CỘNG	<u>358.909.886.000</u>	<u>243.485.599.000</u>	

19.3 Cổ phiếu

	Năm nay Số cổ phiếu	Năm trước Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	79.546.259	57.114.876
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	79.546.259	57.114.876
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.546.259	57.114.876
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.513.073	56.081.690
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.513.073	56.081.690
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu			
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu hàng hóa đã bán	1.641.584.131.569	1.698.779.601.832	
Doanh thu thành phẩm đã bán	<u>15.160.323.830</u>	<u>21.115.519.000</u>	
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Hàng bán bị trả lại	<u>(4.489.242.864)</u>	<u>(5.967.666.254)</u>	
DOANH THU THUẬN	<u>1.652.255.212.535</u>	<u>1.713.927.454.578</u>	

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	220.235.911.640	24.938.483.600
Lãi cho vay và tiền gửi	50.272.004.566	85.264.374.148
Lãi chênh lệch tỷ giá	443.754.072	-
Lãi từ đầu tư vào chứng khoán	-	2.128.792.000
Khác	4.482.226	815.264.537
TỔNG CỘNG	270.956.152.504	113.146.914.285

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.420.984.022.487	1.542.792.986.836
Giá vốn của thành phẩm đã bán	535.205.143	16.277.654.000
TỔNG CỘNG	1.421.519.227.630	1.559.070.640.836

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	131.882.456.057	6.348.621.000
Lãi tiền vay	24.260.415.723	41.097.040.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.758.891.845	2.327.916.752
Lãi thuê tài chính	284.151.257	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	231.798.148.480
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(190.663.658.737)	-
Khác	38.506.588	764.694.630
TỔNG CỘNG	(32.439.237.267)	282.336.421.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	VNĐ
Thu nhập khác	373.809.486.059	149.791.095.433	
Thu nhập từ đánh giá lại quyền sử dụng đất để đầu tư vào công ty liên kết	319.661.468.800	-	
Thu nhập từ chuyển giao quyền tài trợ và đào tạo phần mềm SAP	29.378.744.773	-	
Thu nhập từ việc phân bổ chi phí quảng cáo	8.000.000.000	-	
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.257.735.000	112.568.880.750	
Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng và máy móc	4.704.820.818	27.435.287.810	
Thu nhập từ bán phế liệu	389.384.283	-	
Bồi thường từ các nhà cung cấp	-	4.632.954.000	
Thu nhập khác	6.417.332.385	5.153.972.873	
Chi phí khác	(125.304.186.907)	(140.747.983.648)	
Chi phí thanh lý tài sản	(42.869.683.552)	(112.227.245.750)	
Thuê chuyển mục đích sử dụng đất	(34.594.000.000)	-	
Chi phí chuyển giao quyền tài trợ và đào tạo phần mềm SAP	(22.988.199.250)	-	
Chi phí thanh lý dự án	(8.500.000.000)	-	
Chi phí từ cho thuê nhà xưởng và máy móc	(4.843.565.420)	(25.976.731.000)	
Chi phí bán phế liệu	(389.649.000)	-	
Chi phí khác	(11.119.089.685)	(2.544.006.898)	
LỢI NHUẬN THUẦN	248.505.299.152	9.043.111.785	

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 (hai) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 (ba) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Thuế TNDN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(58.913.291.360)	-	
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	10.127.399.607	142.347.000	
TỔNG CỘNG	(48.785.891.753)	142.347.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thu nhập (lỗ) chịu thuế khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập (lỗ) chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập (lỗ) chịu thuế TNDN và lợi nhuận (lỗ) kê toán theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	578.656.913.073	(194.994.711.257)
Các khoản điều chỉnh:		
Các khoản chi phí trích trước	42.166.971.999	-
Chi phí quảng cáo vượt mức 10% tổng chi phí	8.364.065.015	-
Khấu trừ của lợi thế thương mại	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	2.171.680.729	13.046.014.000
Trợ cấp thôi việc	-	508.383.180
Cỗ tức nhận được từ các đơn vị đầu tư	<u>(220.235.911.640)</u>	-
Lợi nhuận (lỗ) tính thuế trước khi chuyển lỗ	413.623.719.176	(178.940.314.077)
Lỗ năm trước chuyển sang	(178.940.314.077)	-
Thu nhập (lỗ) chịu thuế ước tính	234.683.405.099	(178.940.314.077)
Chi phí thuế TNDN phải nộp	58.670.851.275	-
Thuế TNDN phải thu đầu năm	(3.084.818.532)	-
Trích thiểu thuế TNDN năm trước	242.440.085	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(242.440.085)</u>	<u>(3.084.818.532)</u>
Thuế TNDN phải nộp (phải thu) cuối năm	55.586.032.743	(3.084.818.532)

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kê toán như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí trích trước	10.541.743.000	-	10.541.743.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.452.861.609	3.867.205.002	<u>(414.343.393)</u>	<u>142.347.290</u>
TỔNG CỘNG	13.994.604.609	3.867.205.002		
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			10.127.399.607	142.347.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.4 Thuế TNDN liên quan đến các khoản ưu đãi

Trong hai năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai với Tổng Cục thuế ("TCT") là Công ty được miễn 100% thuế TNDN bao gồm 50% được miễn theo Luật thuế TNDN và 50% được miễn từ việc niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Việc miễn thuế này được cho phép bởi TCT thông qua việc ban hành Công văn số 1309/TCT-PCCS vào ngày 11 tháng 4 năm 2006.

Tuy nhiên, theo Điều 43 của Nghị định 24/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 2 năm 2007 quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN, nếu trong cùng một thời gian, nếu cơ sở kinh doanh có một khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì cơ sở kinh doanh đó phải tự lựa chọn một trong những trường hợp miễn thuế, giảm thuế có lợi nhất và thông báo cho cơ quan thuế biết.

Căn cứ theo Nghị định trên thì Công ty đã không được miễn 100% thuế TNDN trong hai năm 2006 và 2007. Thay vào đó, Công ty phải lựa chọn một trong hai trường hợp được miễn thuế TNDN có lợi nhất và thông báo cho cơ quan thuế biết.

Thực hiện Quyết định số 454/QĐ-TTCP do Tổng thanh tra Chính phủ ban hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2008 về việc thanh tra thực hiện chính sách pháp luật về thuế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đoàn Thanh tra của Chính phủ, sau khi kết thúc việc kiểm tra tại Công ty vào ngày 10 tháng 10 năm 2008, đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp bổ sung số thuế TNDN không được miễn trong hai năm 2006 và 2007 với số tiền là 57.381.543.000 VNĐ vào Ngân sách Nhà nước.

Theo Thông báo số 318/TB-VPCP do Văn phòng Chính phủ ban hành vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu sẽ được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong hai năm kể từ khi có chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Thông báo trên không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản ưu đãi thuế khác nhau hay không.

Vào Ngày 25 tháng 3 năm 2009, Công ty nhận được một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Bộ Tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có chứng khoán niêm yết lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán neu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ. Vào ngày lập các báo cáo tài chính riêng này, quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa được ban hành và Công ty tin rằng khả năng mà Công ty phải nộp khoản thuế TNDN bổ sung neu trên là rất thấp.

Với các thông tin nêu trên và theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, Ban Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Công ty đã không ghi nhận khoản thuế TNDN phải trả với số tiền neu trên có thể phát sinh từ vấn đề này trong các báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Giá trị
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Công ty con	Bán nguyên vật liệu, bao bì Bán tài sản Bán thành phẩm Thu tiền hộ Chi phí trả hộ cho Mua thành phẩm Hoa hồng mua hàng Mua nguyên vật liệu, bao bì Chi phí trả hộ từ Cổ tức được chia	100.939.973.723 21.602.725.603 418.110.000 16.886.779.646 5.813.630.743 1.247.566.782.994 87.321.112.681 1.841.460.829 182.142.350 210.354.286.769
Công ty Cổ phần Vinabico	Công ty con	Bán nguyên vật liệu, bao bì, công cụ Mua thành phẩm	70.404.080 23.183.323.322
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm Bán tài sản Bán nguyên vật liệu, bao bì Chi phí trả hộ Các khoản phí khác Mua nguyên vật liệu, bao bì	19.287.499.499 54.983.500 30.566.501 100.000.000 472.601.455 1.020.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Bán thành phẩm Bán nguyên vật liệu, bao bì và công cụ dụng cụ Bán tài sản Chi phí quảng cáo và thuê máy chủ Chi phí trả hộ Mua nguyên vật liệu, bao bì Thu hộ	131.626.064.333 27.765.826.718 1.639.907.000 17.178.532.030 412.773.393 97.500.000 511.081.657
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu tiền lãi vay Bán cổ phiếu Chi phí trả hộ Thu từ ủy thác đầu tư	37.487.343.333 6.813.342.000 115.581.600 5.021.000.000

Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Giá trị
Công ty Cổ phần KIDO	Công ty liên kết	Bán tài sản Bán thành phẩm Tiền thuê Cổ tức bằng cổ phiếu Mua thành phẩm Các khoản phí khác Chi phí lãi vay	194.502.000 150.204.583 6.954.393.947 4.105.500.000 - 4.054.544 69.552.598
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty liên quan	Thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	515.666.667 95.680.700
Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu, bao bì và công cụ dụng cụ Thu hộ	1.409.794 3.295.950
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm Thu hộ	25.039.722 45.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	105.074.182
Công ty TNHH Thương mại Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	6.545.455
Công ty Cổ phần Tribeco Bình Dương	Công ty liên quan	Thu tiền lãi vay	599.742.720
Công ty TNHH Thương Phú Gia	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	6.545.455
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	169.263.762.083
Ông Trần Lệ Nguyên	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	Tạm ứng	273.120.801.582
Bà Vương Bửu Linh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.939.867.198
Ông Trần Quốc Nguyên	Cổ đông	Tạm ứng	2.000.000.000
Ông Trần Bội Nguyên	Cổ đông	Tạm ứng	140.000.000
Ông Trần Bội Tài	Cổ đông	Tạm ứng	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 12, vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Giá trị
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Công ty con	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	41.666.095.516
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	43.587.900.473
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	16.912.487.378
Công ty Cổ phần KIDO	Công ty liên kết	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	107.760.489
Chi nhánh Công ty Xây dựng và Chế biến TNHH Thực phẩm Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	304.804.469
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	2.517.116
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	953.461.054
			103.535.026.495
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi trả hộ Ký quỹ dài hạn	21.870.907.000 405.000.000 22.275.907.000
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Công ty liên quan	Chi trả hộ	83.622.281.769
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Chi trả hộ	35.120.237
Công ty TNHH Thương Phú Gia	Công ty liên quan	Chi trả hộ	10.720.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi trả hộ	9.706.192.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 12, vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Giá trị
Phải thu khác (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty liên quan	Chi trả hộ	86.333.333
Công ty Thương mại Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi trả hộ	13.780.000
Công ty Cổ phần Khai Sáng	Công ty liên quan	Chi trả hộ	162.037.200
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Chi trả hộ	20.018.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu lãi tiền vay Thu từ bán cổ phiếu	104.859.482.896 6.813.341.808
Ông Trần Lệ Nguyên	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng	302.988.918.758
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	52.345.604.039
Bà Vương Bửu Linh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	6.303.471.083
Ông Bùi Thanh Tùng	Cổ đông	Tạm ứng	54.000.000
Ông Trần Quốc Nguyên	Cổ đông	Tạm ứng	3.700.000.000
Ông Trần Bội Nguyên	Cổ đông	Tạm ứng	937.480.000
Ông Trần Bội Tài	Cổ đông	Tạm ứng	450.605.000
			572.109.386.468
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.683.281.524
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Üy thác đầu tư	83.066.850.000
			183.750.131.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 12, vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Giá trị
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	73.760.276.877
Công ty Cổ phần Vinabico	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	3.689.742.719
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	9.789.908
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	11.991.003
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	18.403.000
			77.490.203.507

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty như sau:

(i) Ghi nhận khoản lãi phát sinh từ việc thanh lý khoản đầu tư của Công ty

Ngày 23 tháng 9 năm 2009, Công ty ký kết một hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với hai cá nhân. Theo đó, Công ty đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương, một trong những công ty liên kết của Công ty, cho hai cá nhân này. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa ghi nhận khoản lãi phát sinh từ việc chuyển nhượng này vì vào ngày này, quyết định cuối cùng về việc chuyển nhượng vẫn chưa được chấp thuận bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 4 tháng 2 năm 2010, các cơ quan có thẩm quyền đã thông qua việc chuyển nhượng và do đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền là 425.369.680.000 VNĐ trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Quý I năm 2010.

(ii) Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 11

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2010, Công ty nhận được Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên đến 795.462.590.000 VNĐ và trụ sở chính đã đăng ký của Công ty cũng được chuyển sang 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số tài khoản sử dụng trong các báo cáo tài chính riêng của năm 2008 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính riêng của năm 2009.

Huỳnh Tấn Vũ
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 3 năm 2010



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc